

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LN
TỈNH B GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/DS- ST
Ngày 08/9/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LN, TỈNH B GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thụ.

Ông Nguyễn Hữu Thái

-Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Trung- Thư ký Tòa án

***-Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh B Giang tham gia phiên
tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh B Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2023/TLST- DS ngày 13/3/2023 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 83 ngày 15/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện LN.

Địa chỉ: Đường Thân Nhân Trung, thị trấn Đồi Ngô, huyện LN, tỉnh B Giang.

Đại D theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phương B- Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện LN, tỉnh B Giang. (Văn bản ủy quyền số 03/QĐ-NHCS ngày 03/01/2023 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện LN). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đường Thân Nhân Trung, thị trấn Đồi Ngô, huyện LN, tỉnh B Giang.

Bị đơn: Ông Vũ Đăng D, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TD, xã BS, huyện LN, tỉnh B Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1981. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TS, xã BS, huyện LN, tỉnh B Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện nội dung vụ án như sau:

Đại D theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Nguyễn Phương B trình bày: Ngày 09/11/2015 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện LN có giải ngân chương trình cho vay hộ nghèo và ông D nhận tiền vay số tiền 40.000.000 đồng; mã món vay 6600000705982704, lãi suất cho vay 0,55%/tháng; lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay; hạn trả cuối cùng ngày 08/11/2022.

Đến ngày 28/02/2023 hộ gia đình ông D còn dư nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện LN là 49.944.399 đồng (trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi 9.944.399 đồng) đến nay chưa trả cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện LN buộc ông D có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi trả xong nợ.

Bị đơn ông Vũ Đăng D: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện LN đã triệu tập, niêm yết công khai các văn bản theo quy định của pháp luật cho ông Vũ Đăng D nhiều lần để tiến hành các thủ tục tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện LN đã xác minh tại địa phương thì được biết hiện nay ông D vẫn đăng ký hộ khẩu và nhà ở tại thôn TD, xã BS, huyện LN nhưng không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày: Bà Q kết hôn với ông D năm 1999, vợ chồng chung sống với nhau đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau nên bà Q đã về nhà đẻ ở thôn TS, xã BS, huyện LN. Tuy nhiên hộ khẩu của bà Q vẫn ở thôn TD, xã BS, huyện LN cùng hộ với ông Vũ Đăng D. Khoảng tháng 11/2012 bà Q đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến năm 2016 bà Q có về nước chơi 01 tháng sau đó lại đi xuất khẩu lao động đến đầu năm 2020 thì về nước. Sau khi về nước bà đã nộp đơn xin ly hôn ông D và đã được Tòa án nhân dân huyện LN giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Đến ngày 17/8/2020 bà Q đã cắt khẩu về thôn TS, xã BS, huyện LN sinh sống. Khoản tiền 40.000.000 đồng ông D vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện LN theo D hộ nghèo ngày 09/11/2015 bà không hề biết vì khi đó bà đang đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài.

Nay Ngân hàng khởi kiện ông D số tiền nợ gốc và lãi bà Q xác định không liên quan gì vì đây là khoản nợ riêng của ông D, khi ông D vay bà không biết và đề nghị Tòa án không đưa bà Q vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa đại D nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án buộc một mình ông Vũ Đăng D phải trả Ngân hàng số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi suất đến ngày 08/9/2023 là 11.896.554 đồng và phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh từ ngày 09/9/2023 theo hợp đồng các bên đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa ông D vắng mặt lần 2 không có lý do.

Tại phiên tòa bà Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện LN tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành và thực hiện theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 179, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện LN

Buộc ông Vũ Đăng D phải trả Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện LN số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi suất 11.896.554 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 51. 896.554 đồng.

Án phí: Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện LN không phải nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Đăng D theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn là ông Vũ Đăng D có địa chỉ tại: Thôn TD, xã BS, huyện LN, tỉnh B Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh B Giang.

Về thời hiệu: Ngày 07/12/2020 ông Vũ Đăng D có Giấy đề nghị gia hạn số tiền vay 40.000.000 đồng nợ gốc như đơn khởi kiện của Ngân hàng và đã được Ngân hàng chính sách xã hội cho gia hạn nợ từ ngày 09/11/2020 đến ngày 08/11/2022. Ngày 08 tháng 3 năm 2023, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện LN, căn cứ Điều 429 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện vụ án được đảm bảo.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt ông Vũ Đăng D lần 2 không có lý do; đại D theo ủy quyền của nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 3 Điều 228 – BLTTDS, xét xử vắng mặt bà Q và đại D nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – BLTTDS.

[3] Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng mã món vay 6600000705 982704, lãi suất cho vay 0,55%/tháng; lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay; hạn trả cuối cùng ngày 08/11/2022 đã ký kết giữa Ngân hàng với ông Vũ Đăng D là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự nên hợp đồng trên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết giấy Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng. Hết thời hạn vay, ông Vũ Đăng D không thanh toán số nợ nên Ngân hàng khởi kiện ông Vũ Đăng D. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng có cung cấp cho Tòa án: Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay- thu nợ- dư nợ ngày 09/11/2015 đối với khách hàng là Vũ Đăng D với số tiền vay là 40.000.000 đồng; Giấy đề nghị vay

vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 06/11/2015 có chữ ký của ông D, có xác nhận của UBND xã BS, huyện LN và xác nhận của Ngân hàng; Giấy đề nghị gia hạn nợ đề ngày 08/12/2020 có chữ ký của ông D, có xác nhận của UBND xã BS, huyện LN; có xác nhận của Ngân hàng cho gia hạn thời hạn từ ngày 08/12/2020 đến ngày 08/11/2022 ông D phải thanh toán trả Ngân hàng. Tuy nhiên, khi đến hạn ông D không thanh toán trả Ngân hàng. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Vũ Đăng D trả số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 40.000.000 đồng và số tiền lãi suất là 11.896.554 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 51.896.554 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 09/9/2023 theo sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay- thu nợ- dư nợ ngày 09/11/2015 mã món vay 6600000705982704 cho đến khi thanh toán hết nợ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; HĐXX xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả là có căn cứ.

[4] Trong vụ án này bà Nguyễn Thị Q trước đây là vợ ông D xác định khi ông D vay tiền Ngân hàng bà Q không biết, không ký và không được dùng số tiền trên vì khi ông D vay bà Q đang đi lao động ở nước ngoài. Căn cứ Công văn số 20606/QLXNC- P5 của Cục xuất nhập cảnh- Bộ công an trả lời công số 308 ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện LN thì bà Nguyễn Thị Q sinh ngày 16/10/1981 xuất cảnh lần 1 ngày 14/10/2012, nhập cảnh ngày 02/10/2015, xuất cảnh lần 2 ngày 31/02/2016, nhập cảnh ngày 08/02/2020. Ngoài ra Ngân hàng không yêu cầu bà Q phải có trách trả nợ cùng ông D. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Q không phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[5] Đề nghị của đại D Viện kiểm sát ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Đăng D thuộc D hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện LN không phải nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 179, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

(1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện LN

Buộc ông Vũ Đăng D phải trả Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện LN số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi suất 11.896.554 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 51.896.554 đồng (*Năm mươi một triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi tư đồng*).

Kể từ ngày 09/9/2023, ông Vũ Đăng D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quá hạn mà hai bên thỏa thuận trong sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay- thu nợ- dư nợ ngày 09/11/2015 mã món vay 6600000705982704 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Vũ Đăng D phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

(2) Về án phí: Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện LN không phải nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Đăng D theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

(3) Về quyền kháng cáo bản án: Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B Giang;
- VKSND tỉnh B Giang;
- VKSND huyện LN;
- CCTHADS huyện LN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp

